

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Cho biết nguyên tử khói (theo u) của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Al = 27; Cl = 35,5; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108.

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (32 câu, từ câu 1 đến câu 32)

Câu 1: Chất nào sau đây vừa phản ứng được với dung dịch KOH, vừa phản ứng được với dung dịch HCl?

- A. CH_3COOH . B. $\text{H}_2\text{NCH}(\text{CH}_3)\text{COOH}$.
C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$. D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.

Câu 2: Chất **không** phải axit béo là

- A. axit axetic. B. axit oleic. C. axit stearic. D. axit panmitic.

Câu 3: Cho dãy các dung dịch: glucozơ, saccarozơ, etanol, glixerol. Số dung dịch trong dãy phản ứng được với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch có màu xanh lam là

- A. 4. B. 1. C. 3. D. 2.

Câu 4: Cho dãy các kim loại kiềm: Na, K, Rb, Cs. Kim loại trong dãy có nhiệt độ nóng chảy thấp nhất là

- A. K. B. Cs. C. Rb. D. Na.

Câu 5: Để phản ứng hoàn toàn với dung dịch chứa 7,5 gam $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$ cần vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của V là

- A. 150. B. 100. C. 50. D. 200.

Câu 6: Hoà tan hoàn toàn 2,7 gam Al bằng dung dịch HNO_3 (loãng, dư), thu được V lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc). Giá trị của V là

- A. 2,24. B. 1,12. C. 3,36. D. 4,48.

Câu 7: Cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tử kim loại kiềm thổ là

- A. ns^2 . B. ns^2np^1 . C. ns^2np^2 . D. ns^1 .

Câu 8: Quặng boxit là nguyên liệu dùng để điều chế kim loại

- A. nhôm. B. natri. C. đồng. D. chì.

Câu 9: Chất có tính lưỡng tính là

- A. NaCl . B. NaOH . C. KNO_3 . D. NaHCO_3 .

Câu 10: Kim loại Al **không** phản ứng được với dung dịch

- A. H_2SO_4 (đặc, nguội). B. KOH.
C. NaOH. D. H_2SO_4 (loãng).

Câu 11: Cho m gam glucozơ phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 (đun nóng), thu được 21,6 gam Ag. Giá trị của m là

- A. 9,0. B. 16,2. C. 36,0. D. 18,0.

Câu 12: Xà phòng hoá hoàn toàn 17,6 gam $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ trong dung dịch NaOH (vừa đủ), thu được dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là

- A. 8,2. B. 9,6. C. 19,2. D. 16,4.

Câu 13: Hai chất nào sau đây đều là hiđroxít lưỡng tính?

- A. NaOH và Al(OH)_3 . B. Cr(OH)_3 và Al(OH)_3 .
C. Ba(OH)_2 và Fe(OH)_3 . D. Ca(OH)_2 và Cr(OH)_3 .

- Câu 14:** Cho dãy các kim loại: K, Mg, Cu, Al. Số kim loại trong dãy phản ứng được với dung dịch HCl là
A. 4. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 1.
- Câu 15:** Dãy các kim loại được xếp theo chiều giảm dần tính khử là:
A. K, Zn, Cu. **B.** K, Cu, Zn. **C.** Zn, Cu, K. **D.** Cu, K, Zn.
- Câu 16:** Chất làm mềm nước có tính cứng toàn phần là
A. CaCO_3 . **B.** Na_2CO_3 . **C.** CaSO_4 . **D.** NaCl .
- Câu 17:** Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân?
A. Saccarozơ. **B.** Glucozo. **C.** Protein. **D.** Tinh bột.
- Câu 18:** Dung dịch làm quỳ tím chuyển sang màu xanh là
A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. **B.** CH_3COOH . **C.** CH_3NH_2 . **D.** $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$.
- Câu 19:** Cho 15 gam hỗn hợp bột kim loại Zn và Cu vào dung dịch HCl (dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 4,48 lít khí H_2 (đktc) và m gam kim loại không tan. Giá trị của m là
A. 2,0. **B.** 6,4. **C.** 2,2. **D.** 8,5.
- Câu 20:** Cho dung dịch Na_2CO_3 vào dung dịch $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$ thấy
A. có kết tủa trắng. **B.** có bọt khí thoát ra.
C. không có hiện tượng gì. **D.** có kết tủa trắng và bọt khí.
- Câu 21:** Cho dãy các chất: $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$, CH_3NH_2 . Số chất trong dãy phản ứng được với dung dịch NaOH là
A. 4. **B.** 2. **C.** 1. **D.** 3.
- Câu 22:** Kim loại **không** phản ứng được với nước ở nhiệt độ thường là
A. Li. **B.** K. **C.** Ca. **D.** Be.
- Câu 23:** Chất thuộc loại cacbohiđrat là
A. protein. **B.** glixerol. **C.** xenlulozơ. **D.** poli(vinyl clorua).
- Câu 24:** Trong tự nhiên, canxi sunfat tồn tại dưới dạng muối ngâm nước ($\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$) được gọi là
A. đá vôi. **B.** thạch cao sống. **C.** thạch cao nung. **D.** thạch cao khan.
- Câu 25:** Protein phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo sản phẩm có màu đặc trưng là
A. màu da cam. **B.** màu tím. **C.** màu đỏ. **D.** màu vàng.
- Câu 26:** Cho dãy các kim loại: Mg, Cr, Na, Fe. Kim loại cứng nhất trong dãy là
A. Mg. **B.** Fe. **C.** Cr. **D.** Na.
- Câu 27:** Để khử hoàn toàn 8,0 gam bột Fe_2O_3 bằng bột Al (ở nhiệt độ cao, trong điều kiện không có không khí) thì khối lượng bột nhôm cần dùng là
A. 1,35 gam. **B.** 8,10 gam. **C.** 2,70 gam. **D.** 5,40 gam.
- Câu 28:** Vinyl axetat có công thức là
A. $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$. **B.** HCOOC_2H_5 . **C.** $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$. **D.** $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$.
- Câu 29:** Cho dãy các chất: $\text{CH}_2=\text{CHCl}$, $\text{CH}_2=\text{CH}_2$, $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}=\text{CH}_2$, $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$. Số chất trong dãy có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp là
A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 1.
- Câu 30:** Công thức hóa học của sắt(III) hiđroxit là
A. Fe(OH)_2 . **B.** Fe_2O_3 . **C.** Fe(OH)_3 . **D.** FeO .
- Câu 31:** Điều chế kim loại K bằng phương pháp
A. điện phân dung dịch KCl không có màng ngăn.
B. điện phân dung dịch KCl có màng ngăn.
C. dùng khí CO khử ion K^+ trong K_2O ở nhiệt độ cao.
D. điện phân KCl nóng chảy.
- Câu 32:** Kim loại Fe phản ứng được với dung dịch
A. Na_2CO_3 . **B.** CaCl_2 . **C.** CuSO_4 . **D.** KNO_3 .

II. PHẦN RIÊNG - PHẦN TỰ CHỌN [8 câu]

Thí sinh chỉ được làm một trong hai phần (phần A hoặc B)

A. Theo chương trình Chuẩn (8 câu, từ câu 33 đến câu 40)

Câu 33: Polime được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng là

- A. poli(metyl metacrylat). B. nilon-6,6.
C. poli(vinyl clorua). D. polietilen.

Câu 34: Tinh bột thuộc loại

- A. disaccarit. B. monosaccarit. C. lipit. D. polisaccarit.

Câu 35: Kim loại Fe phản ứng được với dung dịch nào sau đây tạo thành muối sắt(III)?

- A. Dung dịch H_2SO_4 (loãng). B. Dung dịch HCl .
C. Dung dịch HNO_3 (loãng, dư). D. Dung dịch $CuSO_4$.

Câu 36: Oxit kim loại bị khử bởi khí CO ở nhiệt độ cao là

- A. K_2O . B. MgO . C. Al_2O_3 . D. CuO .

Câu 37: Dãy gồm các hợp chất được sắp xếp theo thứ tự tăng dần lực bazơ là:

- A. $C_6H_5NH_2$ (anilin), NH_3 , CH_3NH_2 . B. CH_3NH_2 , $C_6H_5NH_2$ (anilin), NH_3 .
C. NH_3 , $C_6H_5NH_2$ (anilin), CH_3NH_2 . D. $C_6H_5NH_2$ (anilin), CH_3NH_2 , NH_3 .

Câu 38: Để phân biệt dung dịch Na_2SO_4 với dung dịch $NaCl$, người ta dùng dung dịch

- A. KNO_3 . B. HCl . C. $NaOH$. D. $BaCl_2$.

Câu 39: Số oxi hóa của crom trong hợp chất Cr_2O_3 là

- A. +2. B. +4. C. +6. D. +3.

Câu 40: Cho CH_3COOCH_3 vào dung dịch $NaOH$ (đun nóng), sinh ra các sản phẩm là

- A. CH_3COOH và CH_3ONa . B. CH_3COONa và CH_3COOH .
C. CH_3OH và CH_3COOH . D. CH_3COONa và CH_3OH .

B. Theo chương trình Nâng cao (8 câu, từ câu 41 đến câu 48)

Câu 41: Đồng phân của saccarozơ là

- A. mantozơ. B. xenlulozơ. C. glucozơ. D. fructozơ.

Câu 42: Phản ứng giữa C_2H_5OH với CH_3COOH (xúc tác H_2SO_4 đặc, đun nóng) là phản ứng

- A. xà phòng hóa. B. trùng hợp. C. trùng ngưng. D. este hóa.

Câu 43: Oxit nào dưới đây thuộc loại oxit bazơ?

- A. Cr_2O_3 . B. CO . C. CuO . D. CrO_3 .

Câu 44: Dung dịch có pH > 7 là

- A. $Al_2(SO_4)_3$. B. Na_2CO_3 . C. $FeCl_3$. D. K_2SO_4 .

Câu 45: Khi điện phân dung dịch $CuCl_2$ để điều chế kim loại Cu, quá trình xảy ra ở catot (cực âm) là

- A. $2Cl^- \rightarrow Cl_2 + 2e^-$. B. $Cu \rightarrow Cu^{2+} + 2e^-$. C. $Cu^{2+} + 2e^- \rightarrow Cu$. D. $Cl_2 + 2e^- \rightarrow 2Cl^-$.

Câu 46: Cho $E^\circ(Zn^{2+}/Zn) = -0,76V$; $E^\circ(Sn^{2+}/Sn) = -0,14V$. Suất điện động chuẩn của pin điện hóa Zn–Sn là

- A. 0,90V. B. -0,90V. C. 0,62V. D. -0,62V.

Câu 47: Tơ nào sau đây thuộc loại tơ bán tổng hợp (tơ nhân tạo)?

- A. Tơ visco. B. Tơ nilon-6,6. C. Bông. D. Tơ tằm.

Câu 48: Số đồng phân cấu tạo amin bậc một ứng với công thức phân tử C_3H_9N là

- A. 1. B. 4. C. 3. D. 2.

----- HẾT -----